

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 62/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2017

Về việc “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp V, xã Mỹ Thạnh T, huyện C, tỉnh Long An (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Dương Thị G - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: Ấp V, xã Mỹ Thạnh T, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2017, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày và yêu cầu: Năm 1989 ông và bà G quen biết rồi chung sống với nhau cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông và bà G đã ly thân từ tháng 01 năm 2016 đến nay.

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị G.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thắm, sinh ngày 02/4/1990; Nguyễn Thị Cẩm Hương – Sinh ngày 17/7/ 1992 (đã chết) và Nguyễn Thị Bé - Sinh ngày 2/6/ 1999. Khi ly hôn do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa Án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25/10/2017, các văn bản tiếp theo bị đơn bà Dương Thị G trình bày: bà thống nhất trình bày của ông H về ngày tháng năm chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung và việc không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H;

Bị đơn bà Dương Thị G được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị G, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Bà G đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, bà G không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì bà không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà theo quy định pháp luật.

[4] Xét việc ông H và bà G thuận tình ly hôn là không có căn cứ chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà G vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận là vợ chồng.

[5] Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thắm, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Cẩm Hương - Sinh năm 1992 (đã chết) và Nguyễn Thị Bé, sinh năm 1999. Khi ly hôn do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà G thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm - là phù hợp quy định Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Dương Thị G về việc “ly hôn”.

- Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H đối với bà Dương Thị G không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thắm, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Cẩm Hương - Sinh năm 1992 (đã chết) và Nguyễn Thị Bé , sinh năm 1999 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số 0008036 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vụ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.